

Số: /2025/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc Hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 1562/HD-VPQH ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Văn phòng Quốc hội về Chế độ chi tiêu phục vụ các kỳ họp Quốc hội khóa XV.

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; số 12/2025/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng

nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) các cấp (cấp tỉnh, cấp xã) tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND các cấp; công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khi tham gia phục vụ hoạt động của HĐND các cấp theo yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo thống nhất chế độ, định mức, đối tượng chi trên cơ sở quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc chi phục vụ đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và cá nhân các cơ quan có liên quan khi tham gia đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo của HĐND do HĐND cấp nào triệu tập thì cấp đó đảm bảo kinh phí để thực hiện.

3. Thường trực HĐND cấp xã, căn cứ dự toán được giao hàng năm và tình hình hoạt động thực tế của HĐND cấp mình để quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không vượt quá 60% mức chi tiêu của quy định này. Việc thực hiện chế độ chi tiêu cần đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một đối tượng, cùng một nội dung chế độ được quy định tại nhiều văn bản khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền thì đối tượng chỉ được hưởng một định mức quy định tại văn bản có mức cao nhất.

5. Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách nhà nước

đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của HĐND các cấp; đại biểu HĐND cấp nào thì được bố trí trong dự toán chi Ngân sách nhà nước của HĐND cấp đó.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi xây dựng văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chi xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND: Thực hiện theo Nghị quyết 363/2023/NQ-HĐND ngày 10/5/2023 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định định mức phân bổ và nội dung chi, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp.

Điều 5. Chi hoạt động kỳ họp HĐND tỉnh và các hoạt động chuyên môn khác

1. Chi thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<i>a) Chi soạn thảo, xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh</i>		
- Báo cáo thẩm tra theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh	Đồng/báo cáo	2.500.000
- Báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết		
+ Dự thảo Nghị quyết hành chính thông thường	Đồng/báo cáo	700.000
+ Dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế	Đồng/báo cáo	2.000.000
+ Dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Đồng/báo cáo	1.500.000
- Cơ quan phối hợp thẩm tra	Đồng/báo cáo	Bằng 50% mức chi báo cáo thẩm tra
<i>b) Chi mời chuyên gia: Áp dụng đối với công tác thẩm tra các nội dung trình kỳ họp của các Ban HĐND tỉnh</i>	Đồng/báo cáo	3.000.000
<i>c) Chi họp thẩm tra</i>		
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000
- Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100.000
- Người phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000
- Chế độ ăn	Đồng/người/ngày	300.000
<i>Trường hợp nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng bằng 200% mức chi ngày thường, không áp dụng với chế độ tiền ăn</i>		

d) <i>Mức chi cho việc soạn thảo văn bản chuyên môn, xây dựng các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, kế hoạch do Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh trình</i>	Đồng/văn bản	1.500.000
đ) <i>Chi thẩm tra nội dung trình Thường trực HĐND tỉnh áp dụng như trình HĐND tỉnh</i>		

2. Chi hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<i>a) Chi xây dựng văn bản phục vụ kỳ họp</i>		
- Dự kiến nội dung chương trình kỳ họp, Kế hoạch tổ chức kỳ họp, khai mạc, bế mạc kỳ họp; Chương trình điều hành kỳ họp	Đồng/văn bản	500.000
- Tổng hợp ý kiến thảo luận tổ và thảo luận tại hội trường	Đồng/văn bản	500.000
- Biên bản kỳ họp và kết quả kỳ họp	Đồng/ văn bản	500.000
<i>b) Chi bồi dưỡng tại kỳ họp</i>		
- Chủ tọa kỳ họp	Đồng/người/ngày	300.000
- Thư ký kỳ họp (thư ký và tổng hợp)	Đồng/người/ngày	200.000
- Chi Đại biểu HĐND nghiên cứu các báo cáo, tờ trình, dự thảo Nghị quyết kỳ họp		
+ Đối với các báo cáo, đề án chuyên đề có dự thảo Nghị quyết	Đồng/văn bản	100.000
+ Đối với các báo cáo, tờ trình không có dự thảo Nghị quyết	Đồng/văn bản	80.000
- Chi nghiên cứu tài liệu đối với đại biểu khách mời; công chức của Văn phòng Đoàn ĐBHQ và HĐND tỉnh	Đồng/người/ngày	150.000
- Chi bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu đối với cán bộ các cơ quan Trung ương, đại biểu Quốc hội		Mức chi gấp 2 lần đại biểu HĐND tỉnh
- Chi bồi dưỡng đối với: nhân viên phục vụ, lái xe của các đại biểu; các phóng viên báo; kỹ thuật viên truyền hình của Báo Hưng Yên, trung ương được cử phục vụ truyền hình trực tiếp kỳ họp	Đồng/người/ngày	100.000
- Chế độ ăn (cho cả 02 cấp)	Đồng/người/ngày	300.000
- Chế độ phòng nghỉ		Áp dụng theo quy định hiện hành
- Chi nước uống, điểm tâm, giải khát phục	Đồng/người/buổi	50.000

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<i>vụ các kỳ họp</i>		
<i>c) Chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết đã được HĐND thông qua</i>	Đồng/nghị quyết	1.500.000
<i>Trường hợp nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức 200% mức chi ngày thường không áp dụng đối với chế độ tiền ăn, chế độ phòng nghỉ</i>		

3. Chi hoạt động các cuộc họp, hoạt động chuyên môn, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ cho Đại biểu HĐND do HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh triệu tập

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000
- Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100.000
- Người phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000
- Chế độ ăn	Đồng/người/ngày	300.000
<i>Trường hợp nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức 200% mức chi ngày thường, không áp dụng chế độ tiền ăn</i>		

Điều 6. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Chi xây dựng kế hoạch, đề cương		
a) Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát	Đồng/văn bản	1.000.000
b) Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát	Đồng/văn bản	1.000.000
c) Chi mời chuyên gia phục vụ công tác giám sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh	Đồng/bài	2.000.000
2. Chi xây dựng thông báo, báo cáo kết quả giám sát, khảo sát		
a) Chi xây dựng thông báo, báo cáo kết quả giám sát	Đồng/văn bản	5.000.000
b) Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Đồng/báo cáo	2.000.000
3. Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát		
a) Trưởng đoàn	Đồng/người/buổi	200.000
b) Phó đoàn	Đồng/người/buổi	150.000
c) Thành viên đoàn: đại biểu HĐND; đại biểu mời dự; lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng trực tiếp tham gia đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	100.000

d) Công chức và người lao động phục vụ đoàn; lái xe; phóng viên báo, đài	Đồng/người/buổi	50.000
<i>Trường hợp nếu tổ chức khảo sát, giám sát trong ngày nghỉ, ngày lễ mức 200% mức chi ngày thường</i>		
4. Hỗ trợ ăn, nghỉ của thành viên Đoàn khi đi giám sát, khảo sát		
- Hỗ trợ tiền ăn	Đồng/người/ngày	300.000
- Phòng nghỉ (nếu có)	Áp dụng theo quy định hiện hành	

Điều 7. Chi hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
<i>1) Chi xây dựng văn bản phục vụ phiên giải trình, chất vấn</i>		
- Chi xây dựng kế hoạch phiên giải trình, chất vấn	Đồng/văn bản	500.000
- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp, kết luận của phiên chất vấn, giải trình	Đồng/văn bản	500.000
<i>2) Chi bồi dưỡng</i>		
- Người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000
- Thành phần theo giấy mời	Đồng/người/buổi	100.000
- Đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000
- Chế độ ăn	Đồng/người/ngày	300.000
<i>Trường hợp nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng bằng 200% mức chi ngày thường</i>		

Điều 8. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. <i>(Trong trường hợp, có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì chỉ được thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất).</i>	Đồng/điểm tiếp xúc	3.000.000
2. Mức chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri		
a) Khoản chi tiếp xúc cử tri đối với đại biểu HĐND tỉnh	Đồng/người/tháng	200.000
b) Đại biểu và đại diện lãnh đạo cơ quan được phân công	Đồng/người/buổi	100.000

c) Cán bộ, công chức phục vụ và lái xe	Đồng/người/buổi	50.000
d) Chi sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND trước và sau khi tiếp xúc cử tri	Đồng/tổ/kỳ họp	2.000.000
<i>Trường hợp nếu thực hiện trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng phục vụ tiếp xúc cử tri bằng 200% mức chi bồi dưỡng ngày thường</i>		
3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình tại kỳ họp		
a) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp chung	Đồng/báo cáo	2.000.000
b) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp tại các điểm tiếp xúc cử tri	Đồng/báo cáo	500.000

Điều 9. Chi hội nghị lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh do Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh tổ chức

Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Chi tổ chức họp		
- Chi cho người chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000
- Đại biểu dự họp, cán bộ, công chức Văn phòng tham mưu, giúp việc trực tiếp nội dung lấy ý kiến luật, pháp lệnh	Đồng/người/buổi	100.000
2. Chi góp ý kiến tham luận bằng văn bản	Đồng/văn bản	200.000
3. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác	Đồng/báo cáo	1.000.000
4. Chi xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch công tác, báo cáo hoạt động, văn bản hướng dẫn có nội dung quy phạm pháp luật	Đồng/văn bản	1.000.000
<i>Trường hợp nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bồi dưỡng dự họp bằng 200% mức chi ngày thường</i>		

Điều 10. Các chế độ hỗ trợ đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân (cả 02 cấp)	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	
2. Ngoài hoạt động phí theo Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13 Đại biểu HĐND giữ chức vụ kiêm nhiệm được hỗ trợ		

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
a) Hỗ trợ đối với các chức danh lãnh đạo hoạt động kiêm nhiệm (cả 02 cấp)	Thực hiện theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV	
b) Hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách (chỉ áp dụng cấp tỉnh)	Thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội	
3. Cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Bằng 50% mức lương cơ sở	
4. Hỗ trợ may trang phục (lễ phục) theo nhiệm kỳ		
Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục (lễ phục); mức chi tối đa không quá:	đồng/bộ/người	5.000.000
Cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND được cấp tiền may hai bộ trang phục, mức hỗ trợ bằng 50% số tiền cho đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh.		
5. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Thư ký kỳ họp, Quản trị phần mềm phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh được trang cấp 01 máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương) và 01 cặp công tác để phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh (chỉ áp dụng cấp tỉnh)		Do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định
6. Chi hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm cho đại biểu (<i>Chỉ áp dụng đối với những đại biểu không thuộc diện được khám sức khỏe định kỳ</i>)	đồng/người/năm	700.000
7. Tặng quà lưu niệm: Chi quà tặng lưu niệm đại biểu HĐND tỉnh khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND, mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp		Do Thường trực HĐND tỉnh quyết định

Điều 11. Các chế độ chính sách chi cho công tác xã hội

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1. Chế độ tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: các đối tượng chính sách được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động của		Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh tặng quà: - Tập thể 5.000.000 đồng/lần; - Cá nhân 1.000.000 đồng/lần

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
HĐND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội khi đoàn tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà		
2. Thăm hỏi, trợ cấp		
a) Đại biểu HĐND tỉnh		
-Chi thăm hỏi Đại biểu HĐND tỉnh khi ốm đau		2.000.000 đồng/người/lần; trường hợp bệnh hiểm nghèo chi trợ cấp không vượt quá 5.000.000 đồng/người/lần không quá 2 lần 1 năm
- Chi thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND tỉnh	đồng/người/lần	2.000.000
- Chi hỗ trợ khi đại biểu HĐND tỉnh và thân nhân đại biểu HĐND tỉnh từ trần		
+ Khi Đại biểu HĐND tỉnh, nguyên Đại biểu HĐND tỉnh từ trần	đồng/người/lần	3.000.000
+ Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu HĐND tỉnh từ trần	đồng/người/lần	3.000.000
3. Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ NSNN thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng		Bằng 10 lần mức lương cơ sở
4.Trợ cấp mai táng phí thực hiện theo quy định		
5.Các mức chi khác không quy định trong Nghị quyết này do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp		

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 của HĐND tỉnh Hưng Yên Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Nghị quyết số 130/2017/NQ-HĐND ngày 14/4/2017 sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 52/2016/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Hưng Yên, nhiệm kỳ 2016-2021; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thái Bình ban hành quy định một số chế độ và định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thái Bình.

2. Căn cứ chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và quy định về chế độ chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được kịp thời, thiết thực, hiệu quả.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

4. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung cần xem xét, sửa đổi, bổ sung, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khoá ... , Kỳ họp thứ nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và Quản lý XDVBHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV

CHỦ TỊCH